

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 734/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: 263/1/43, hẻm 263, đường C, khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Bé Sáu, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú cuối cùng: 263/1/43, hẻm 263, đường C, khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà S vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Minh Dũng trình bày:*

Ông Nguyễn Minh D và bà Đỗ Thị Bé S chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/12/2008. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không hợp tính tình nên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4/2014 vì bà S bỏ đi biệt tích cho đến nay. Mặc dù, ông D đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của bà S. Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xem xét giải quyết yêu cầu tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2018/QĐST-DS ngày 08/10/2018 tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích. Vì vậy, ông D làm đơn yêu cầu ly hôn với bà S.

Quá trình chung sống, ông D và bà S không có con chung.

Ông D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Chứng cứ ông D giao nộp gồm: Bản chính đơn khởi kiện ngày 03/12/2018; bản sao giấy chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của ông D; quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự; bản photo giấy chứng nhận kết hôn; bản tự khai của ông D.

Ngoài ra, ông D không có yêu cầu khác, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

** Bị đơn bà Đỗ Thị Bé S:*

Bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà S vắng mặt không có lý do nên không thu thập được ý kiến của bà S.

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tiến hành xác minh chính quyền địa phương tại nơi cư trú về sự mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà S, đã xác định được: Quá trình chung sống tại địa phương ông D và bà S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay, ông D và bà S không còn chung sống với nhau tại địa phương. Bà S đã bỏ đi biệt tích từ tháng 4/2014 cho đến nay.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Nguyên đơn ông D có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà S được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc

vắng mặt của bị đơn bà S là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng Quan hệ pháp luật là ly hôn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông D đối với bị đơn bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông D có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn bà S đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn bà S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Nguyên đơn ông D có yêu cầu xét xử vắng mặt không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử, bị đơn bà S vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà S theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn ông D khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với bị đơn bà S kết quả xác minh xác định bị đơn bà S có hộ khẩu thường trú tại Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú cuối cùng: 263/1/43, hẻm 263, đường C, khu phố E, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn.

[3] Theo đơn xin ly hôn ngày 03/12/2018, nguyên đơn ông D khởi kiện ly hôn đối với bị đơn bà S với yêu cầu: Ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông D:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn ông D và bị đơn bà S tự nguyện chung sống với nhau, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương vào ngày 18/12/2008. Hôn nhân giữa nguyên đơn ông D và bị đơn bà S là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Nguyên đơn ông D xác định quá trình chung sống ông D và bà S đã không còn sống chung từ tháng 4/2014 cho đến nay. Đồng thời, bà S đã bỏ đi biệt tích từ tháng 4/2014 cho đến nay không có tin tức gì của bà S. Mặc dù, ông D đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của

bà S. Đồng thời, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã ban hành quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 14/2018/QĐST-DS ngày 08/10/2018 tuyên bố bà Đỗ Thị Bé S mất tích. Bị đơn bà S cố tình vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, cho thấy bà S đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mối quan hệ gia đình. Xét tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông D được ly hôn với bà S theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Ông D, bà S không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông D không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh D đối với bà Đỗ Thị Bé S về việc “ly hôn”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Minh D được ly hôn với bà Đỗ Thị Bé S.

1.2. *Về con chung*: Ông D, bà S không có.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông D không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà ông D đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0012641 ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện B;
- UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Long Ty